BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số..445...../QĐ-ĐHTM ngày ..26.. tháng 3. năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

| | |
|---|---|
| **Chương trình đào tạo:** | **Quản trị kinh doanh (Business Administration)** |
| **Trình độ đào tạo:** | **Đại học** |
| **Ngành đào tạo:** | **Quản trị kinh doanh** |
| **Mã ngành:** | **7340101** |
| **Hình thức đào tạo:** | **Từ xa** |
| **Ngôn ngữ đào tạo:** | **Tiếng Việt** |
| **Thời gian đào tạo:** | **4 năm** |

## 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

*- Chương trình đào tạo từ xa theo hình thức từ xa đã được ban hành theo quyết định 955/QĐ-ĐHTM ngày 05/06/2023*

*- Lần rà soát, đánh giá năm 2024, chương trình đào tạo hình thức từ xa đã cập nhật theo chương trình đào tạo chính quy của ngành đào tạo tương ứng (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số.443.../QĐ-ĐHTM ngày.25../03/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại).*

## 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Chương trình Quản trị kinh doanh là CTĐT định hướng ứng dụng, có mục tiêu đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt có khả năng vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng quản trị kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng ra quyết định quản trị phù hợp với những biến động của môi trường kinh doanh; có khả năng tự khởi sự kinh doanh để tạo việc làm cho bản thân và người khác; có năng lực tự học tập bồi dưỡng suốt đời.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có năng lực học tập suốt đời

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng những kiến thức kinh tế và quản trị kinh doanh để tham gia điều hành hoạt động của doanh nghiệp hoặc tự khởi sự kinh doanh và điều hành hoạt động kinh doanh của bản thân

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện được các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh

**3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

***3.1 Yêu cầu về kiến thức***

(PLO1): Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn về chính trị và pháp luật, kinh tế -xã hội vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

(PLO2): Vận dụng được kiến thức nguyên lý quản trị tổ chức và quản trị các nguồn lực trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

(PLO3): Vận dụng có tính sáng tạo các kiến thức quản trị chiến lược, quản trị tác nghiệp, quản trị lĩnh vực hoạt động vào thực tiễn của doanh nghiệp.

***3.2 Yêu cầu về kỹ năng***

(PLO4): Thực hiện được kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động;

(PLO5): Thực hiện được kỹ năng phân tích, xây dựng, triển khai, đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động;

(PLO6): Thực hiện được kỹ năng, truyền đạt, thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm liên quan đến các vấn đề về quản trị kinh doanh; Thích nghi tốt trong làm việc nhóm;

(PLO7): Thực hiện được kỹ năng xây dựng kế hoạch khởi sự kinh doanh; đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với định hướng khởi nghiệp

***3.3 Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm***

(PLO8): Có khả năng tự chủ làm việc độc lập, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh; Có khả năng định hướng, hướng dẫn, giám sát người khác làm việc

(PLO9): Có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm trong triển khai các nhiệm vụ dựa trên nền tảng tuân thủ đạo đức kinh doanh.

***3.4 Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học***

(PLO10): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO11): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ** (trong đó: 120 tín chỉ học tập và tốt

nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Ngoài ra, Trường còn cung cấp cho người học kiến thức Nhập môn Internet & Elearning trước khi người học được đào tạo các học phần chính khóa.

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo Quy chế tuyển sinh đại học và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại.

**5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Thương mại về đào tạo từ xa trình độ đại học.

**6. Phương thức đánh giá:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong quy định về hoạt động khảo thí đối với hình thức đào tạo từ xa của Trường Đại học Thương mại.

**7. Nội dung chương trình đào tạo**

***7.1. Khung chương trình đào tạo***

| STT | Khối kiến thức và các học phần | Mã HP | Số TC | Cấu trúc |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | | **40** | |
| **1.1.** | **Giáo dục đại cương** | | **29** | |
| ***1.1.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | **27** | |
| 1 | Triết học Mác - Lê Nin | TXMLNP0221 | 3 | 36,18 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin | TXRLCP1211 | 2 | 24,12 |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | TXHCMI0111 | 2 | 24,12 |
| 4 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | TXHCMI0131 | 2 | 21,18 |
| 5 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | TXHCMI0121 | 2 | 24,12 |
| 6 | Pháp luật đại cương | TXTLAW0111 | 2 | 24,12 |
| 7 | Tiếng Anh 1 | TXENTH1411 | 2 | 24,12 |
| 8 | Tiếng Anh 2 | TXENTH1511 | 2 | 24,12 |
| 9 | Tiếng Anh 3 | TXENTH1611 | 2 | 24,12 |
| 10 | Toán đại cương | TXAMAT1011 | 3 | 36,18 |
| 11 | Tin học quản lý | TXINFO0311 | 3 | 36,18 |
| 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | TXSCRE0111 | 2 | 24,12 |
| ***1.1.2*** | ***Các học phần tự chọn*** | | **2** | |
| | *Chọn 2 TC trong các HP sau:* | | | |
| 1 | Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet | TXeCOM2111 | 2 | 0,60 |
| 2 | Chuyển đổi số trong kinh doanh | TXPCOM1111 | 2 | 24,12 |
| **1.2** | **Giáo dục thể chất** | | | |
| ***1.2.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | **1** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Giáo dục thể chất chung | TXGDTC1611 | 1 | 12,18 |
| *1.2.2* | ***Các học phần tự chọn*** | | **2** | |
| | *Chọn 2 TC trong các HP sau* | | | |
| 1 | Bóng ném | TXGDTC0721 | 1 | 12,18 |
| 2 | Bóng chuyền | TXGDTC0621 | 1 | 12,18 |
| 3 | Cầu lông | TXGDTC0521 | 1 | 12,18 |
| 4 | Bóng bàn | TXGDTC1621 | 1 | 12,18 |
| 5 | Cờ vua | TXGDTC0921 | 2 | 24,36 |
| 6 | Bóng rổ | TXGDTC0821 | 1 | 12,18 |
| 7 | Thể dục thẩm mỹ 1 | TXGDTC1811 | 1 | 12,18 |
| 8 | Thể dục thẩm mỹ 2 | TXGDTC1911 | 1 | 12,18 |
| **1.3** | **Giáo dục Quốc phòng – An ninh** | | **8** | |
| **2** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | | **91** | |
| **2.1.** | **Kiến thức cơ sở ngành** | | **28** | |
| *2.1.1.* | ***Các học phần bắt buộc*** | | *17* | |
| 1 | Kinh tế học | TXMIEC0821 | 3 | 36,18 |
| 2 | Quản trị học | TXBMGM0111 | 3 | 36,18 |
| 3 | Marketing căn bản | TXBMKT0111 | 3 | 36,18 |
| 4 | Tâm lý quản trị kinh doanh | TXTMKT0211 | 2 | 24,12 |
| 5 | Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp | TXCEMG3011 | 2 | 24,12 |
| 6 | Tiếng Anh thương mại 1 | TXENTI3311 | 2 | 24,12 |
| 7 | Tiếng Anh thương mại 2 | TXENTI3411 | 2 | 24,12 |
| *2.1.2* | ***Các học phần tự chọn*** | | **11** | |
| | *Chọn 11 TC trong các HP sau:* | | | |
| 1 | Nguyên lý thống kê | TXANST0211 | 3 | 36,18 |
| 2 | Nhập môn tài chính-tiền tệ | TXEFIN2811 | 3 | 36,18 |
| 3 | Hành vi khách hàng | TXBMKT3811 | 3 | 36,18 |
| 4 | Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng | TXBLOG3011 | 3 | 36,18 |
| 5 | Thương mại điện tử căn bản | TXPCOM0111 | 3 | 36,18 |
| 6 | Nguyên lý kế toán | TXFACC0111 | 3 | 36,18 |
| 7 | Kinh tế thương mại đại cương | TXTECO0111 | 2 | 24,12 |
| 8 | Luật sở hữu trí tuệ | TXPLAW2211 | 2 | 24,12 |
| **2.2.** | **Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)** | | **41** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| ***2.2.1.*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | ***30*** | |
| 1 | Quản trị nhân lực căn bản | TXCEMG0111 | 3 | 36,18 |
| 2 | Quản trị tài chính 1 | TXFMGM0231 | 3 | 36,18 |
| 3 | Quản trị chiến lược* | TXSMGM1411 | 3 | 34,12,5 |
| 4 | Quản trị sản xuất | TXCEMG4211 | 3 | 36,18 |
| 5 | Quản trị bán hàng* | TXCEMG2622 | 3 | 34,12,5 |
| 6 | Quản trị dự án | TXCEMG2711 | 3 | 36,18 |
| 7 | Mua và quản trị nguồn cung | TXBLOG3041 | 3 | 36,18 |
| 8 | Khởi sự kinh doanh | TXCEMG4111 | 2 | 24,12 |
| 9 | Quản trị công ty | TXSMGM3111 | 3 | 36,18 |
| 10 | Quản trị rủi ro | TXBMGM0411 | 2 | 24,12 |
| 11 | Văn hóa kinh doanh | TXBMGM1221 | 2 | 24,12 |
| ***2.2.2.*** | ***Các học phần tự chọn*** | | ***11*** | |
| | *Chọn 11 TC trong các HP sau:* | | | |
| 1 | Quản trị thương hiệu 1 | TXBRMG2011 | 3 | 36,18 |
| 2 | Quản trị chất lượng | TXQMGM0911 | 3 | 36,18 |
| 3 | Quản trị logistics kinh doanh | TXBLOG1511 | 3 | 36,18 |
| 4 | Quản trị dịch vụ | TXTEMG2911 | 3 | 36,18 |
| 5 | Quản trị Marketing 1 | TXMAGM0411 | 3 | 36,18 |
| 6 | Quản trị đổi mới sáng tạo | TXSMGM1111 | 3 | 36,18 |
| 7 | Thực hành quảng cáo điện tử | TXECOM2121 | 2 | 0,60 |
| 8 | Quản trị nhóm làm việc | TXCEMG2811 | 2 | 24,12 |
| **2.3.** | **Kiến thức bổ trợ** | | **12** | |
| ***2.3.1.*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | ***6*** | |
| 1 | Chiến lược kinh doanh quốc tế | TXSMGM2111 | 3 | 36,18 |
| 2 | Luật kinh tế 1 | TXPLAW0321 | 3 | 36,18 |
| ***2.3.2.*** | ***Các học phần tự chọn*** | | ***6*** | |
| | *Chọn 6 TC trong các HP sau:* | | | |
| 1 | Thị trường chứng khoán | TXBKSC2311 | 3 | 36,18 |
| 2 | Kế toán quản trị doanh nghiệp | TXFACC0331 | 3 | 36,18 |
| 3 | Quản trị chuỗi cung ứng | TXBLOG2011 | 3 | 36,18 |
| 4 | Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế | TXITOM0511 | 3 | 36,18 |
| **2.4** | **Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học** | | **10** | |
| ***2.4.1*** | ***Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp*** | TXREPA1211 | **3** | 0,90 |
| ***2.4.2*** | ***Thực tập và viết Khoá luận tốt nghiệp*** | TXLVVA1511 | **7** | 0,210 |

*Ghi chú: Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh. Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.*

*- Các học phần có dấu * có tổ chức báo cáo thực tế 5 tiết.*

***7.2. Mô tả các học phần (có phụ lục đính kèm)***

**8. Hướng dẫn thực hiện chương trình (dự kiến)**

| TT | Kỳ học | Học phần | Số TC |
|---|---|---|---|
| 1 | KỲ I | Khối kiến thức GDĐC | 14-17 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 03 TC |
| | | **Tổng cộng** | **16-17 TC** |
| 2 | KỲ II | Khối kiến thức GDĐC | 03-05 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 11-13 TC |
| | | Giáo dục thể chất | 01 TC |
| | | **Tổng cộng** | **16-17 TC** |
| 3 | NĂM NHẤT | **Giáo dục Quốc phòng – An ninh** | **08 TC** |
| 4 | KỲ III | Khối kiến thức GDĐC | 04-06 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 09-12 TC |
| | | Giáo dục thể chất | 02 TC |
| | | **Tổng cộng** | **16-17 TC** |
| 5 | KỲ IV | Khối kiến thức GDĐC | 2-4 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 2-4 TC |
| | | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 09-12 TC |
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 0-03 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |
| 6 | KỲ V | Khối kiến thức GDĐC | 2-4 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 02 TC |
| | | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 09-12 TC |
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 0-03 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |
| 7 | KỲ VI | Khối kiến thức cơ sở ngành | 0-02 TC |
| | | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 09-12 TC |
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 03-06 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |
| 8 | KỲ VII | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 09-12 TC |
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 03-06 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 9 | KỲ VIII | Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học | **10TC** |
| | **TỔNG CỘNG** | | **131TC** |

***Lưu ý:***

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 4 năm. Sinh viên có thể học theo tiến độ nhanh để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Mỗi năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính 15 tuần (trừ học kỳ đầu của khóa học). Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.
- Phương thức đào tạo theo tín chỉ.
- Trong hai học kỳ đầu của khóa học, sinh viên được đăng ký học tập mặc định; Từ học kỳ thứ 3 trở đi, sinh viên tự đăng ký học tập theo kế hoạch giảng dạy của Trường.
- Khối lượng kiến thức và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin; có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh; hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất và các quy định khác của Trường.

| | |
|---|---|
| **VIỆN TRƯỞNG** | **HIỆU TRƯỞNG** |
| **TS TRẦN THỊ HOÀNG HÀ** | **PGS,TS NGUYỄN HOÀNG** |

# PHỤ LỤC

## 1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

### 1.1 Giáo dục đại cương

#### *1.1.1 Các học phần bắt buộc*

*Triết học Mác - Lê Nin*

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

*Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin*

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

*Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

*Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

*Pháp luật đại cương*

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của chuyên ngành Luật kinh tế và Luật Thương mại quốc tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng

*Tiếng Anh 1*

Học phần "*Tiếng Anh 1*" gồm 4 bài đầu của giáo trình *"Life (A2-B1)"* của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

*Tiếng Anh 2*

Học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ A2, củng cố kiến thức ngữ pháp về các cách diễn đạt hành động trong tương lai, phân biệt thời hiện tại hoàn thành và thời quá khứ đơn, câu điều kiện loại 0 và loại 1, mệnh đề quan hệ, v.v. và cung cấp từ vựng chung liên quan đến các chủ đề như: Môi trường; Các giai đoạn trong cuộc đời; Công việc; Công nghệ; giải quyết các tình huống đơn giản nhằm phục vụ cho việc giao tiếp Tiếng Anh nói chung cũng như tiếng Anh phục vụ công việc sau này như: đặt

hàng qua điện thoại, lời mời, chấp nhận và từ chối lời mời, phỏng vấn việc làm, v.v. Ngoài ra, sinh viên thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.

*Tiếng Anh 3*

Học phần *Tiếng Anh 3* được xây dựng dựa trên cuốn "Life" – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

*Toán đại cương*

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.

*Tin học quản lý*

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp các kiến thức nền tảng và cơ bản phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS-Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình diễn văn bản (Power point), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

*Phương pháp nghiên cứu khoa học*

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

***1.1.1.2 Các học phần tự chọn***

*Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet*

Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần

cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

*Chuyển đổi số trong kinh doanh*

Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

## 2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

### 2.1 Kiến thức cơ sở ngành

#### *2.1.1 Các học phần bắt buộc*

*Kinh tế học*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vi mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt đông của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả… Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

*Quản trị học*

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, b

*Marketing căn bản*

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

*Tâm lý quản trị kinh doanh*

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về tâm lý quản trị kinh doanh, vai trò của tâm lý quản trị kinh doanh, một số lý thuyết tâm lý quản trị kinh doanh. Các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân. Đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể, mâu thuẫn trong tâm lý tập thể. Tâm lý nhà lãnh đạo và êkíp lãnh đạo, những phẩm chất tâm lý của nhà lãnh đạo. Tâm lý trong hoạt động kinh doanh: đặc điểm hoạt động kinh doanh, tâm lý của người mua, tâm lý của người bán hàng. Giao tiếp trong quản trị kinh doanh: các công cụ giao tiếp, phong cách giao tiếp và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp, các loại hình giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

*Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp*

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: tổng quan về phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp; môi trường việc làm và cơ hội nghề nghiệp; đánh giá năng lực bản thân và xác định mục tiêu nghề nghiệp; lập kế hoạch phát triển bản thân; và các khía cạnh quản lý bản thân.

*Tiếng Anh thương mại 1*

Học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

*Tiếng Anh thương mại 2*

Học phần *Tiếng Anh thương mại 2* là sự tiếp nối học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

***2.1.2 Các học phần tự chọn***

*Nguyên lý thống kê*

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

*Nhập môn Tài chính tiền tệ*

Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các

khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

*Hành vi khách hàng*

Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị kinh doanh. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

*Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng*

Học phần *Nhập môn về logistics và quản trị chuỗi cung ứng* là học phần kiến thức bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và tiền đề về sự phát triển và các cơ hội của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Học phần trình bày về sự ra đời, phát triển, các trường phái logistics và quản trị chuỗi cung ứng trên thế giới. Học phần cũng giới thiệu nguyên tắc chung, cách thức tiếp cận, khung định hướng và các vấn đề cơ bản trong quản trị logistics và chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp, đồng thời khái quát một số xu thế phát triển của ngành logistics và chuỗi cung ứng và làm rõ các tiêu chuẩn với nguồn nhân lực logistics và chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp hiện nay.

*Thương mại điện tử căn bản*

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

*Nguyên lý kế toán*

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

*Kinh tế thương mại đại cương*

Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô.

Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

*Luật sở hữu trí tuệ*

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

**2.2 Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)**

***2.2.1 Các học phần bắt buộc***

*Quản trị nhân lực căn bản*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).

*Quản trị tài chính 1*

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

*Quản trị chiến lược* *

Học phần Quản trị chiến lược (BCTT) được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

*Quản trị sản xuất*

Quản trị sản xuất là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất ; Dự báo nhu

cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo ; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

*Quản trị bán hàng* *

Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

*Quản trị dự án*

Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

*Mua và quản trị nguồn cung*

Học phần Mua và quản lý nguồn cung sẽ cung cấp những kiến thức khái quát nhất liên quan đến hoạt động mua hàng và quản lý nguồn cung tại các doanh nghiệp, từ đó giúp sinh viên nhận thức được các nhu cầu đặt ra khi tiến hành hoạt động mua hàng, đồng thời hiểu được vai trò của hoạt động này đối với thành công tại mỗi doanh nghiệp hiện nay.

Khởi sự kinh doanh

*Quản trị công ty*

Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

*Quản trị rủi ro*

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro ; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

*Văn hóa kinh doanh*

Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

***2.2.2 Các học phần tự chọn***

*Quản trị thương hiệu 1*

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

*Quản trị chất lượng*

Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

*Quản trị logistics kinh doanh*

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một các khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một

hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

*Quản trị dịch vụ*

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

*Quản trị Marketing 1*

Quản trị marketing 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành marketing. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng và năng lực về tới xây dựng và đánh giá kế hoạch chiến lược marketing của doanh nghiệp, xây dựng và triển khai phối thức marketing hỗn hợp; Cụ thể nghiên cứu về các kiến thức và kỹ năng về các khái niệm cơ bản của marketing và quản trị marketing hiện đại; triết lý marketing dựa trên giá trị; quản trị thời cơ marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing, phối thức marketing hỗn hợp triển khai chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức kỹ năng trên trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing của các đơn vị.

*Quản trị đổi mới sáng tạo*

Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

*Thực hành quảng cáo điện tử*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về các công cụ quảng cáo trực tuyến như Quảng cáo hiển thị, Quảng cáo theo ngữ cảnh, Quảng cáo mạng xã hội, Quảng cáo thư điện tử và Quảng cáo Video.

Quản trị nhóm làm việc

**2.3 Kiến thức bổ trợ**

***2.3.1 Các học phần bắt buộc***

*Chiến lược kinh doanh quốc tế*

Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế (CLKDQT) là học phần chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh; bao gồm những nội dung, kiến thức căn bản về quản trị CLKDQT và vận dụng thực tiễn của DN trong kinh doanh quốc tế nói chung. Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế được chia thành 5 chương chính. Chương 1 đề cập tới những diễn biến hiện thời

trên thị trường quốc tế, đánh giá những động cơ thúc đẩy một doanh nghiệp cần và nên thực hiện kinh doanh quốc tế. Chương 2 và chương 3 phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của DN kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày những chiến lược kinh doanh quốc tế điển hình mà doanh nghiệp theo đuổi, dựa trên 2 biến số thích ứng địa phương và tích hợp toàn cầu. Chương 5 cung cấp cái nhìn đầy đủ về tổ chức triển khai CLKDQT của doanh nghiệp và các vấn đề về quản trị sự thay đổi và xung đột trong kinh doanh.

*Luật Kinh tế 1*

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

***2.3.2 Các học phần tự chọn***

*Thị trường chứng khoán*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu kí, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

*Kế toán quản trị doanh nghiệp*

Là học phần thuộc khối kiến thức ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp; Phân loại chi phí; Dự toán sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí truyền thống và hiện đại trong kế toán quản trị doanh nghiệp; Kế toán theo các trung tâm trách nhiệm; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

*Quản trị chuỗi cung ứng*

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những

người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

*Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế*

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

**2.4 Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học**

*Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp*

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản trị của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Người học thực tập tại doanh nghiệp thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Người học phát hiện các hạn chế trong hoạt động quản trị để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.

*Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp*

Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, Người học hệ thống hóa có lựa chọn một số cơ sở lý luận đã có để vận dụng giải quyết một vấn đề cụ thể về quản trị kinh doanh tại một doanh nghiệp.